

Số: 2508/BC-VNBC

Hạ Long, ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN
NĂM 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin.
- Tên giao dịch quốc tế : Vinacomin - NuiBeo Coal Joint Stock Company.
- Tên viết tắt : VNBC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5700101700 cấp lần thứ 11 ngày 30/9/2015 tại Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh
- Vốn điều lệ : 369.991.240.000 đồng (Ba trăm sáu chín tỷ, chín trăm chín mươi một triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng).
- Vốn chủ sở hữu (31/12/2018): 495.900.631.708 (Bốn trăm chín mươi lăm tỷ, chín trăm triệu, sáu trăm ba mươi một ngàn, sáu trăm linh tám đồng).
- Địa chỉ : 799 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, Quảng Ninh.
- Điện thoại : (84.0203) 3825 220
- Fax : (84.0203) 3625 270
- Website : www.nuibeo.com.vn
- Email : giaodich@nuibeo.com.vn
- Mã cổ phiếu : NBC

2. Quá trình hình thành và phát triển:

a) Việc thành lập:

- Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin, tiền thân là Mỏ than Núi Béo được thành lập ngày 7/11/1988 trên cơ sở thoả thuận giữa hai chính phủ: Việt Nam và Liên bang Xô Viết, do Viện Ghiprôsat thiết kế năm 1983. Khu vực khai thác chính của Công ty nằm trên địa bàn hai phường Hà Tu và Hà Trung; Phía Đông và Bắc tiếp giáp Mỏ than Hà Tu; Phía Tây tiếp giáp Mỏ than Hà Lâm; Phía Nam giáp đường Quốc lộ 18A. Theo thiết kế gốc của Viện Ghiprôsat - Liên Xô, tổng trữ lượng than trong biên giới khai thác mỏ là: ≈ 32 triệu tấn, đất bóc tổng số là: 145,7 triệu m³ và hệ số bóc trung bình cả đời mỏ là: 4,55 m³/tấn. Trong giai đoạn phát triển ổn định mỏ sẽ khai thác với công suất tối đa là 1,2 triệu tấn/năm. Trong đó khu vực Via 11: 900.000 tấn/năm; Khu vực Via 14: 300.000 tấn/năm.

- Chỉ hơn 7 tháng chuẩn bị, ngày 19/5/1989, nhân kỷ niệm 99 năm ngày sinh của Bác Hồ, tại Via 14 Công ty đã xúc gầu đất đầu tiên.

** Giai đoạn từ năm 1988 đến năm 1995:*

- Ra đời trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, cũng là giai đoạn Liên Xô tan rã và cắt mọi viện trợ, vì vậy, sau 2 năm bóc đất xây dựng cơ bản, Mỏ than Núi Béo bắt đầu quá trình xây dựng và phát triển với số vốn ít ỏi gần 20 tỷ đồng, thiết bị chính chỉ vịn vịn có 02 máy xúc EKG, 02 máy khoan xoay cầu, 02 xe gạt T170 và một số thiết bị nhỏ lẻ...

- Bắt tay vào khai thác được hơn một năm, cán bộ công nhân viên Mỏ Núi Béo lại phải đối mặt với một khó khăn, trở ngại tưởng như không thể vượt qua, đó là tình hình chất lượng tài nguyên khai thác. Tuy đã bóc đến khu vực gập via than, nhưng chất lượng than xấu đến mức không thể lọc ra được cám 6 và đã bắt buộc phải dừng khai thác ở Via 14 để quay sang mở via, tập trung khai thác ở khu vực Via 11.

- Chính vì những khó khăn trên, cùng với những khó khăn về thị trường tiêu thụ và công tác đầu tư nên giai đoạn 1989 - 1995 mỏ hầu như không phát triển được. Đến hết năm 1995 mới chỉ đạt sản lượng khai thác: 175.000 tấn/năm, doanh thu: 32,6 tỷ đồng, nợ ngân hàng \approx 30 tỷ đồng, thu nhập công nhân thấp. Trong tình trạng bế tắc đã có lúc tưởng chừng phải nhập vào một mỏ khác.

**Giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2006:* Tháng 6 năm 1996 (gần 02 năm sau khi Tổng Công ty Than Việt Nam ra đời), Mỏ than Núi Béo được tách khỏi Công ty Than Hòn Gai và trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam theo Nghị định 27/NĐ-CP ngày 06/5/1996 của Chính phủ; Quyết định số 2603/QĐ-TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp; Quyết định số 886-TVN/HĐQT ngày 27/5/1996 của HĐQT TVN; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 110950 do Ủy ban Kế hoạch Quảng Ninh cấp ngày 15/10/1996. Đây là bước ngoặt quan trọng khẳng định sự phát triển đi lên của Mỏ (thời điểm này, Mỏ than Núi Béo đến nay là Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomин thực sự có những bước tiến phát triển vượt bậc và có cơ hội tự khẳng định mình qua sự đổi mới cách nghĩ, cách làm. Qua từng năm, Công ty đều hoàn thành toàn diện kế hoạch, các chỉ tiêu đạt được năm sau cao hơn năm trước; cơ sở vật chất kỹ thuật, quy mô sản xuất ngày càng được mở rộng).

b) Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần: Thực hiện Quyết định số 3936/QĐ-BCN ngày 30/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc: Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Than Núi Béo thành Công ty Cổ phần Than Núi Béo, Công ty Than Núi Béo đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/04/2006. Tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông thành lập, Công ty có vốn điều lệ là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỉ đồng); Trong đó phần vốn Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) nắm giữ 51% vốn điều lệ; cổ đông trong Công ty nắm giữ 29% và phần còn lại 20% do các cổ đông ngoài Công ty nắm giữ.

c) Niêm yết: Công ty niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 27 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là: "NBC".

d) Tăng vốn điều lệ: Công ty đã 04 lần tăng vốn điều lệ, từ 60 tỷ đồng vốn điều lệ ban đầu lên 370 tỷ đồng (Số làm tròn) như hiện nay. Trong đó: ⁽¹⁾Phát hành cổ phiếu thường từ nguồn vốn tích lũy (280 tỷ đồng), phát hành chứng khoán, bán cho các cổ đông hiện hữu (30 tỷ đồng).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác và thu gom than non (0520).
- Xây dựng công trình công ích (4220).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290).
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (2511).
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (4530).
- Khai thác và thu gom than cứng (0510).
- Gia công cơ khí; xử lý tráng phủ kim loại (2592).
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (0810).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (0990).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933).
- Sửa chữa máy móc thiết bị (3312).
- Khai thác quặng sắt (mã 0710).
- Khai thác và thu gom than bùn (0892).
- Xây dựng nhà các loại (4100).
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (4210)
- Hoàn thiện công trình xây dựng (4330).
- Vận tải hàng hóa đường sắt (4912).
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (4931).
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (5022).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (5221).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229).
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (2591).
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (2593).
- Sản xuất khai thác mỏ và xây dựng (2824).
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (3311).
- Sửa chữa thiết bị điện (3314).
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (3313).
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (3315).

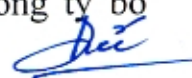


- Sửa chữa thiết bị khác (3319).
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (4520).
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (4542).
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (4652).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (1104).
- Phá dỡ (4311).
- Chuẩn bị mặt bằng (4312).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (5610).
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (7721).
- Điều hành tua du lịch (7912).
- Giáo dục thể thao và giải trí (8551).
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật (8552).
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (9311).
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (9329).
- Lắp đặt hệ thống điện (4321).
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (3320).
- Sản xuất chuyên tải và phân phối điện (chi tiết: Quản lý vận hành đường dây tải điện, trạm biến áp đến 110 KV (3510).
- Hoạt động tư vấn quản lý (chi tiết: Tư vấn quản lý dự án đầu tư, tư vấn lựa chọn nhà thầu (7020).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình khai thác mỏ; giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ điện công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ điều khiển công trình khai thác mỏ; giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình khai thác mỏ; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật (7110).
- Thoát nước và xử lý nước thải (chi tiết: quản lý và vận hành trạm xử lý nước thải (3700).
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (mã ngành 7120).

3.2. Địa bàn hoạt động chính: Công ty khai thác, chế biến, tiêu thụ than trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, bộ máy quản lý

- Mô hình tổ chức của Công ty là mô hình Công ty cổ phần, gồm: Đại hội đồng cổ đông; HĐQT gồm 5 thành viên; Ban kiểm soát có 3 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông; Ban Giám đốc Công ty có 05 người (01 Giám đốc, 03 Phó giám đốc điều hành, 01 Kế toán trưởng) do HĐQT Công ty bổ nhiệm.



- Công ty có 14 phòng chức năng, 01 ban quản lý dự án hầm lò, 01 trạm y tế; 18 đơn vị sản xuất (08 Công trường, phân xưởng sản xuất than lộ thiên; 10 công trường khai thác than hầm lò).

5. Định hướng phát triển

5.1. Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, trong đó:

- Sản xuất hàng năm của Công ty thực hiện theo kế hoạch SXKD giai đoạn năm (2016-2021) theo nguyên tắc sử dụng tối đa nguồn lực về tài nguyên, tiền vốn, thiết bị, lao động, áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, đảm bảo hài hoà lợi ích của Tập đoàn và của Công ty.

- Mục tiêu, nhiệm vụ xuyên suốt quá trình điều hành kế hoạch kinh doanh năm (2016-2021) của Công ty là vừa phải khai thác hết phần than lộ thiên, vừa xây dựng thành công dự án khai thác than hầm lò, đảm bảo tuyệt đối an toàn, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh, ổn định việc làm và đời sống người lao động.

6. Các rủi ro chính

6.1. Huy động vốn: Dự án khai thác than hầm lò có tổng giá trị đầu tư là 5.300 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm cả lợi nhuận chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2018 là 496 tỷ đồng. Do đó, trong thời gian tới Công ty cần huy động vốn từ các nhà đầu tư hoặc vay thương mại của các tổ chức tín dụng, ngân hàng.

6.2. Nguồn nhân lực: Việc chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất của Công ty từ khai thác lộ thiên sang khai thác than hầm lò là chưa có tiền lệ, Công ty phải đối mặt với việc dư thừa lao động lộ thiên, thiếu lao động sản xuất than hầm lò.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Một số chỉ tiêu SXKD chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh%
1	Bốc xúc đất đá	10 ³ m ³	3.825	5.944	155
-	Đất sản xuất	"	3.825	5.944	155
-	Đất đá xúc lại bãi thải	"	-	-	-
2	Đào lò tổng số	Mét	7.500	10.017	134
-	Đào lò XDCB	"	2.300	2.341	102

Điền

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh%
-	Lò CBSX	"	5.200	7.676	148
3	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	850	918	108
-	Than lộ thiên	"	450	504	112
-	Than hầm lò	"	400	414	104
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	1.248	1.426	114
-	Than sạch từ than NK	"	748	825	110
-	Than sạch từ SPNT	"	500	601	120
5	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	1.398	1.551	111
6	Giá trị ĐTXD (đ/c)	Tỷ đồng	1.096	1.001	91,3
7	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	1.913	2.175	113,7
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	30	111	375
9	Lao động	Người	2.595	2.465	95
10	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	9.330	11.676	125
11	Cổ tức (Dự kiến)	%	3	10	333

* Đánh giá kết quả SXKD, HDQT nhận định: Năm 2018, là năm thứ 04 Công ty giảm sản lượng khai thác than lộ thiên, triển khai dự án khai thác than hầm lò. Do đó, Công ty còn gặp khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ, thời tiết mưa bão kéo dài, thiết bị xe máy qua nhiều năm sử dụng đã quá cũ, chưa được đầu tư mới để thay thế... song với sự năng động, sáng tạo và có nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành SXKD, với truyền thống kỷ luật và đồng tâm, đoàn kết vượt khó, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, sự phối hợp công tác có hiệu quả của các bạn hàng, Công ty đã nỗ lực phấn đấu, từng bước vượt qua khó khăn, thử thách hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2018 Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống việc làm của CBCN lao động ổn định, bảo tồn và phát triển nguồn vốn SXKD.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Trình độ/ chức vụ	Số CP năm giữ
1	Ngô Thế Phiệt	01/04/1968	P. Bạch Đằng, Hạ Long, Q Ninh	Kỹ sư khai thác mỏ, Giám đốc	0
2	Nguyễn Tuấn Dũng	06/12/1968	P. Hồng Hải, Hạ Long,	Kỹ sư khai thác mỏ,	4.541

Trần

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Trình độ/chức vụ	Số CP năm giữ
			Quảng Ninh	Phó Giám đốc	
3	Trần Quốc Tuấn	22/08/1968	P. Yết Kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh	Kỹ sư khai thác mỏ, Phó Giám đốc	0
4	Phạm Bá Tước	06/10/1978	P. Hà Lâm, Hạ Long, Quảng Ninh	Kỹ sư khai thác mỏ, Phó Giám đốc	
5	Trương Thúy Mai	10/6/1976	P. Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh	Cử nhân kế toán, Kế toán trưởng Công ty	2.118

2.2. Những thay đổi trong Lãnh đạo điều hành Công ty:

- Bà Trương Thúy Mai được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 05/02/2018.

- Ông Lê Văn Giang thôi nhiệm vụ PGD Công ty, được điều chuyển sang làm chuyên trách công tác Đảng ủy Công từ tháng 09/2018.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số CBCNV của Công ty tính đến 31/12/2018 là: 2.658 người; trong đó: Bộ máy quản lý gián tiếp: 327 người, công nhân là: 2.331 người.

- Trong năm, Công ty bố trí đủ việc làm cho người lao động; tiền lương, thu nhập của người lao động ổn định, đạt cao hơn kế hoạch đặt ra.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Công ty đã triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư, thực hiện dự án xây dựng công trình khai thác hầm lò hầm lò theo kế hoạch được Tập đoàn và Đại hội cổ đông thông qua. Các hạng mục công trình dự án đã được đẩy nhanh tiến độ, đặc biệt đào lò XDCB: Thực hiện 2340,8m đạt 101,8% kế hoạch; Lũy kế thực hiện là 8.086 mét, cụ thể như sau:

TT	Công trình	Tổng số (m)	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	năm 2016	năm 2017	năm 2018
1	Giếng chính	448	57,2	140,7	221,4	28,7			
2	Giếng phụ	483,8	57	147,8	230,3	48,7			
3	Lò nối 2 giếng	95,3			83,3	12			

Đức

TT	Công trình	Tổng số (m)	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	năm 2016	năm 2017	năm 2018
4	Sân ga -140	426,7				58		350,7	18
5	Sân ga và khai thông mức -350	1458				464,8	566		427,1
6	Khai thông mức 140	2058					1.581	1.697	360,7
7	Chuẩn bị lò chợ	1535							1535
*	Tổng số	8086	114,2	288,5	535	612,2	2147	2.048	2.341

- Nguồn vốn thực hiện dự án, đầu tư: Công ty không huy động vốn của các cổ đông. Số vốn thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò hiện nay chủ yếu là do Công ty vay vốn của các tổ chức tín dụng ngân hàng.

4. Tình hình tài chính.

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.708.304.820.790	3.133.724.592.421	15,7
Doanh thu thuần	1.490.969.566.317	2.164.067.787.098	45,15
Lợi nhuận từ hoạt động KD	100.955.588.260	107.253.407.416	6,24
Lợi nhuận khác	8.137.518.967	3.824.058.097	-53,01
Lợi nhuận trước thuế	109.093.107.227	111.077.465.513	1,82
Lợi nhuận sau thuế	87.216.900.214	86.996.418.378	-0,25
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	8%	-20

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,82	0,80	
+ Hệ số thanh toán nhanh/			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,21	0,16	

Đức

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,82 4,63	0,84 5,32	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,65 0,55	3,03 0,69	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ SXKD/DT thuần	0,06 0,18 0,03 0,07	0,04 0,175 0,027 0,05	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 36.999.124 cổ phần; Số cổ phần chuyển nhượng tự do là: 36.999.124 cổ phần; Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông: Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 28/03/2018.

STT	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỉ lệ %
A	TỔ CHỨC	31	27.051.549	73,11
1	Trong nước	21	25.855.517	69,88
2	Nước ngoài	10	1.196.032	3,23
B	CÁ NHÂN	1.748	9.947.575	26,89
1	Trong nước	1.673	9.343.912	25,25
2	Nước ngoài	75	603.663	1,63
	TỔNG CỘNG	1.779	36.999.124	100,00


Hiện nay Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam là cổ đông lớn của Công ty. Ngày 01/03/2018, TKV đã thực hiện giao dịch mua 4.476.509 cổ phiếu NBC để nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phần từ 52,9% lên 65%.

5.3. Tình hình thay đổi vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu:

Trong năm, Công ty không thay đổi vốn điều lệ. Vốn chủ sở hữu của Công ty tính bao gồm cả lợi nhuận chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2018 tăng 14,9 tỷ đồng so với 31/12/2017.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty. 

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Công ty hoạt động SXKD trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thực hiện khai thác than trên cơ sở giấy phép khai thác khoáng sản được Bộ Tài nguyên Môi trường cấp;

- Công ty sử dụng các nguồn nguyên vật liệu tiết kiệm hiệu quả, đúng quy định của Nhà nước và pháp luật.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Dùng vận hành thiết bị khai thác, vận tải phục vụ sản xuất;

- Dầu Diezen: 9014,8 Tấn;

- Xăng: 55,35 Tấn;

- Điện năng: 23.760.895 kWh

b) Các giải pháp và kết quả đạt được

STT	Giải pháp tiết kiệm năng lượng đã áp dụng	Mục đích của giải pháp	Kết quả đạt được
1	Giải pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả	Giúp cho mọi người nhận thức được cần phải sử dụng tiết kiệm năng lượng	Tiết kiệm 14.029 kWh với giá trị 22,5 triệu đồng
2	Giải pháp thay đèn huỳnh quang chiếu sáng các kho than bằng đèn Led	Đảm bảo ánh sáng cho các kho than tiết kiệm năng lượng	Tiết kiệm 14.029 kWh với giá trị 22,5 triệu đồng

6.3. Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp: Nước máy của thành phố Hạ Long: 101473 m³

- Lượng nước tái chế và sử dụng: 74700 m³

- Lượng nước sử dụng trung bình ngày: 489,3m³

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Không.

- Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Không

- Công ty luôn thực hiện theo đúng, đủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường như: Quan trắc môi trường định kỳ, trồng cây xanh, phun sương dập bụi, xây dựng các công trình môi trường, quản lý chất thải nguy hại... theo đúng ĐTM đã được phê duyệt.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- Công ty luôn tuân thủ thực hiện đúng quy định của pháp luật về chính sách đối người lao động: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, thực hiện chế độ nghỉ phép, nghỉ dưỡng sức, thăm quan nghỉ mát, nâng lương nâng bậc hàng năm...

- Công ty có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ hàng năm. Tổng số người được đào tạo, nâng cao trình độ là 853 người; Tổng chi phí bồi dưỡng, nâng cao trình độ trong năm là số tiền: 2,539 tr đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với kết quả thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao (nêu tại mục 1 phần II), Ban Giám đốc Công ty đánh giá một số lĩnh vực hoạt động chính của Công ty trong năm 2018 như sau:

1.1. Công tác tuyên truyền giáo dục:

Hệ thống chính trị của Công ty đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng cho người lao động hiểu rõ và chia sẻ với khó khăn chung của Tập đoàn và của Công ty, đặc biệt là người lao động đã có chuyển biến tích cực về tinh thần chuyển đổi từ lộ thiên sang hầm lò; Công ty đã thực hiện tốt quy chế dân chủ, nắm bắt tâm tư nguyện vọng, diễn biến tư tưởng của người lao động từ đó có các giải pháp giải quyết kịp thời, phù hợp các kiến nghị của người lao động nên đã giữ vững được an ninh chính trị nội bộ.

1.2. Công tác điều hành sản xuất, tiêu thụ:

Trong năm, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nội dung về tổ chức sản xuất, điều hành, tiêu thụ của TKV, HĐQT Công ty đề ra, cụ thể :

- Giám sát, đôn đốc xử lý sạt lở các đai tầng khu vực phía Tây và phía Tây Bắc Vía 11 góp phần đảm bảo an toàn cho việc thi công các đai tầng dưới. Đặc biệt mở rộng được giới hạn khai thác phía Nam khai trường vĩa 11 tạo điều kiện thuận lợi cho khai thác các năm tiếp theo.

- Sắp xếp diện đồ thải bãi thải trong Vĩa 11, Vĩa 14 hợp lý, đảm bảo ổn định sản xuất của Công ty và các đơn vị trong vùng (Hà Tu, Hà Lâm). Triển khai đôn đốc các đơn vị thi công hoàn chỉnh xong sớm các hạng mục PCTT-TKCN năm 2018 nên đã góp phần giảm thiểu tối đa thiệt hại do mưa bão gây ra.

- Thành lập Công trường Khai thác số 2 vào tháng 01/2018 khai thác lò chợ GX 31101, 31102 đảm bảo đúng tiến độ yêu cầu.

- Thành lập Phân Xưởng Vận tải Giếng đứng vào tháng 3/2018 để theo chuyên gia học tập lắp đặt, sửa chữa, vận hành hệ thống trục tải Giếng đứng phụ. Lắp đặt đường sắt trên mặt bằng +35, khu vực sân ga -140 và -350 chuẩn bị các điều kiện để đưa hệ thống tháp cố định Giếng phụ đi vào hoạt động đầu tháng 10/2018.

- Thành lập Công trường Khai thác số 3 vào tháng 8/2018 thi công các mũ đào lò tại khu III vĩa 10, đào lò khoan vùng lò chợ CGH 21103, vận chuyển và lắp đặt giá thủy lực di động liên kết xích lò chợ 31103, đưa vào khai thác trong tháng 12/2018.

- Thành lập Công trường Đào lò số 3 vào tháng 9/2018, thi công lắp đặt tuyến băng B1000 mức -50/-210, chuẩn bị các điều kiện thi công đào lò khai thông khu II vĩa 11 để tạo các diện sản xuất mới.

- Đưa hệ thống tháp cố định giếng phụ vào hoạt động trong tháng 10, triển khai thi công các đường lò XDCB dưới mức -350.

- Căn cứ kế hoạch SXKD năm, hàng tháng Công ty cân đối sản xuất, chế biến, đăng ký kế hoạch tiêu thụ than với Tập đoàn theo kế hoạch. Cả năm than tiêu thụ đạt 1.551.000 tấn, đạt 111% so với kế hoạch.

1.3. Quản lý kỹ thuật công nghệ, giải phóng mặt bằng, môi trường:

a) Thực hiện các chỉ tiêu công nghệ

Thực hiện chủ trương của Tập đoàn tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Công ty đã xây dựng chương trình tiết giảm chi phí trong SXKD, trong đó có giải pháp tiết kiệm các chỉ tiêu công nghệ. Kết quả năm 2018 các chỉ tiêu công nghệ của Công ty thực hiện tương đối tốt. Cụ thể kết quả thực hiện so với kế hoạch điều chỉnh như sau:

- Hệ số bóc đất đá: Thực hiện 11,81 m³/tấn, đạt 102,7%.

- Hệ số đào lò CBSX: Thực hiện 19,35 m/1000 tấn, bằng 93,5%.

- Cung độ vận chuyển đất đá: Thực hiện 1,57 Km, đạt 97,9% (Tiết kiệm được 33m).

- Đào lò: Thực hiện 10.016,8 m, đạt 133,6% (trong đó: XDCB 2.340,7 m, bằng 101,8%; CBSX 7.676,0 m bằng 101,7%).

b) Quản lý kỹ thuật

- Công ty đã hoàn thành kế hoạch với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mà Tập đoàn, Đại hội cổ đông giao, đảm bảo an toàn; cơ bản làm chủ được công nghệ đào chống lò bằng vì neo, các mũi thi công đào chống lò bằng vì neo thực hiện tương đối tốt. Cả năm thực hiện 7.564,8/1.600m, bằng 472,8% so với kế hoạch năm.

- Năm 2018, mặc dù mưa bão nhiều, sản xuất còn gặp rất nhiều khó khăn, song toàn Công ty không bị thiệt hại lớn do mưa bão gây ra.

- Thường xuyên cập nhật tiến độ các đường lò, cập nhật địa chất gương lò, thành lò cung cấp tài liệu kịp thời cho các đơn vị sản xuất, để có phương án triển khai thi công phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất.

c) Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng

- Công ty đã tích cực phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất TP Hạ Long kiểm đếm, lập và thẩm định các phương án bồi thường GPMB; phối hợp với UBND phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Trung giải quyết các kiến nghị của nhân dân, hỗ trợ sửa chữa nhà, công trình, cây cối hoa màu do ảnh hưởng của nổ mìn và mưa bão gây ra.

- Đã cơ bản giải quyết xong việc bồi thường GPMB, mở rộng tối đa biên giới phía Nam khai trường V11, V14; Thực hiện xong việc di dời 22 hộ dân tại tổ 10 khu 4 phường Hà Tu bị ảnh hưởng sạt lở đất đá theo đề án di dân của UBND tỉnh Quảng Ninh; đã trả lời kịp thời các đơn thư kiến nghị của dân, không để tồn đọng, phát sinh các kiến nghị kéo dài, gây bức xúc trong nhân dân; Giá trị thực hiện bồi thường năm 2018 khoảng 3,0/2,9 tỷ, bằng 103% kế hoạch.

d) Công tác môi trường: Quản lý bảo vệ môi trường đang là áp lực rất lớn đối với Công ty. Để giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp góp phần cải thiện đáng kể môi trường sản xuất như: Đầu tư mới và thuê bổ sung xe tưới đường dập bụi các tuyến đường vận tải than đất và khu vực chế biến than; trồng cây phủ xanh đất trống khu vực đã ngừng khai thác và đổ thải với diện tích phủ xanh năm 2018 là 22 ha; thuê Công ty TNHH ITV Môi trường-TKV để xử lý nước thải công nghiệp, thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH; thuê Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển môi trường đô thị Quảng Ninh xử lý rác thải sinh hoạt, đặc biệt đã trồng cây tạo cảnh quang môi trường khu vực TTĐHSX.

1.4. Quản trị chi phí:

- Ngày 20/12/2017, Tập đoàn đã ban hành Kế hoạch PHKD năm 2018 theo Quyết định số 2288/QĐ-TKV; Công văn số 6059/TKV-KH về việc thông báo các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2018. Căn cứ vào nội dung các văn bản nêu trên ngay từ đầu năm Công ty đã triển khai nhiều giải pháp quản lý, điều hành nhằm tiết kiệm chi phí, đảm bảo hiệu quả SXKD, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động như: Ban hành mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh; ban hành kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh; Triển khai giao khoán chi phí sản xuất; giao khoán quản trị công nghệ và chi phí sản xuất kinh doanh, ký kết hợp đồng trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với Trưởng phòng, Quản đốc....; Hàng tháng rà soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, cân đối lại năng lực, hiệu quả kinh doanh, phân tích những việc đã làm được, các vấn đề còn tồn tại, các nguy cơ rủi ro trong SXKD đề ra phương hướng điều hành sản xuất kinh doanh cho những tháng tiếp theo kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất. Cả năm Công ty hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu SXKD đề ra, lợi nhuận sản xuất đạt 111 tỷ đồng, bằng 375% kế hoạch, tiết kiệm được chi phí so với TKV giao khoán.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát giá trị mua và hạn mức tồn kho vật tư đảm bảo không vượt chi phí và hạn mức tồn kho Tập đoàn và Công ty giao khoán ($\leq 5\%$ giá trị vật tư sử dụng trong năm); thực hiện quản lý tốt dòng tiền, tối ưu hoá các hoạt động tài chính, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu và hệ số bảo toàn vốn dự kiến cả năm đều đảm bảo theo kế hoạch tài chính đã ký với Tập đoàn.

1.5. Tái cơ cấu, lao động, việc làm:

- Thực hiện Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn năm 2017 ÷ 2020: Công ty đã hợp nhất Phòng Thanh tra-Pháp chế với Phòng Bảo vệ Quân sự thành Phòng TP-BQ (đưa tổng số phòng quản lý tham mưu từ 15 phòng về 14 phòng); Sáp nhập PX VT số 5 vào PX VT số 3; Tổ chức giao khoán đơn giá tổng hợp cho PX ĐS; Triển khai thành công xã hội hóa thuê ngoài khu nhà ở tập thể công nhân Công ty (giúp nâng cao chất lượng phục vụ và đặc biệt làm giảm đầu mỗi quản lý, không làm tăng thêm lao động quản lý, phục vụ) theo chỉ đạo của Tổng giám đốc TKV tại Công văn số 4877/TKV-TCNS ngày 18/10/2017 về việc: Triển khai thuê ngoài thực hiện một số dịch vụ phục vụ người lao động.

- Thực hiện Chỉ thị số: 102/CTLT/TGD-CĐTKV ngày 25/5/2017 của Tổng Giám đốc và Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam về việc tiếp tục thực hiện

Đức

tải cơ cấu lao động; Trong năm, Công ty thực hiện tiết giảm lao động lộ thiên là: 189 người; trong đó: Giảm tuyệt đối: 112 người (nghỉ hưu trước tuổi và đủ tuổi: 13 người; chấm dứt HĐLĐ: 99 người); Sắp xếp chuyển đổi từ lộ thiên sang sản xuất hầm lò được: 77 người.

- Công ty đã rà soát và kiện toàn các văn bản pháp lý, tăng cường các biện pháp quản lý và kiểm tra, thường xuyên nhắc nhở, duy trì nghiêm kỷ luật lao động, xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm kỷ luật nội quy lao động nên đã duy trì nề nếp, tác phong công nghiệp và nâng cao được ý thức của người lao động.

- Năm 2018, mặc dù sản lượng khai thác của Công ty tiếp tục giảm so với các năm trước, song bằng nhiều các giải pháp hữu hiệu, ưu tiên và tìm mọi biện pháp để sắp xếp bố trí việc làm cho người lao động, nên trong năm, Công ty đã cân đối đủ việc làm và bố trí thời gian nghỉ bù, nghỉ tuần cho người lao động theo đúng quy định.

1.6. Công tác An toàn - PCCN:

- Trong năm Công ty đã kiện toàn lại bộ máy làm công tác AT-VSLĐ, thành lập Hội đồng BHLĐ và phân công trách nhiệm thực hiện cho từng thành viên trong Hội đồng; xây dựng và thực hiện tốt chương trình hoạt động hưởng ứng tháng Quốc gia về AT-VSLĐ-PCCN lần thứ 19; triển khai ký cam kết thực hiện nhiệm vụ AT-VSLĐ-PCCN đến từng người lao động; phối hợp với Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin trong công tác AT-VSLĐ; đặc biệt quan tâm chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra đôn đốc công tác cảnh báo, dự báo đề phòng tai nạn, sự cố rủi ro có khả năng xảy ra trong sản xuất.

- Công tác tự kiểm tra AT-VSLĐ tại các đơn vị sản xuất đã được tự giác thực hiện mang lại hiệu quả thiết thực, đã thực hiện nghiêm Chỉ thị số 130/CT-VNBC ngày 05/01/2018 của Giám đốc Công ty về việc: Triển khai nhận dạng các nguy cơ gây mất an toàn trong sản xuất của mình; từ thực tế sản xuất và đặc điểm riêng của từng đơn vị, tự đề ra các biện pháp phòng ngừa sát thực, phổ biến tới toàn thể CBCNV hiểu biết, cùng thực hiện.

- Công tác huấn luyện AT-VSLĐ được thực hiện đúng quy định, duy trì công tác huấn luyện an toàn 3 bước, thực hiện việc huấn luyện an toàn cho 06 nhóm lao động theo quy định tại Nghị định số 44/NĐ-CP của Chính Phủ; Xây dựng phương án chữa cháy năm 2018 được phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Quảng Ninh phê duyệt; Phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật an toàn - Bộ Công Thương xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro trong Công ty.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục đã được quan tâm làm tốt, tổ chức lễ phát động "Tháng hành động công tác AT-VSLĐ năm 2018" và duy trì thực hiện thành công trong cả năm.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác AT-VSLĐ của Công ty vẫn còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục như: Ý thức chấp hành nội quy an toàn của một bộ phận cán bộ công nhân chưa cao, còn vi phạm quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn; mạng lưới an toàn vệ sinh viên chưa phát huy hết vai trò và tác dụng của hệ thống; việc ghi chép sổ sách theo dõi, quản lý công tác AT-VSLĐ của một số đơn vị

chưa được chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu quản lý, công tác dự báo, cảnh báo các nguy cơ tai nạn sự cố trong ca cần phải làm tốt hơn nữa...

1.7. Công tác An ninh trật tự:

- Với đặc điểm khai trường nằm xen kẽ các cụm dân cư của các phường trên địa bàn, công tác giữ gìn an ninh trật tự luôn được Công ty quan tâm, chủ động xây dựng các phương án bảo vệ nội bộ, bảo vệ ANTT cho hoạt động sản xuất kinh doanh, theo đó đã ban hành chỉ thị về quản lý và sử dụng pháo; chỉ thị về tăng cường quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, đảm bảo an ninh trật tự trong tình hình mới; phương án phối hợp bảo vệ ANTT, an toàn trong quá trình giao, nhận và vận chuyển than tiêu thụ; phương án bảo vệ ANTT và quản lý tài nguyên ranh giới mỏ; kiện toàn lại 05 cụm tự quản ANTT, an toàn, PCCN gồm các đơn vị trong Công ty và các đơn vị hợp đồng kinh tế hoạt động trong khai trường mỏ; kiểm soát chặt chẽ người, phương tiện ô tô, xe máy ra vào khai trường mỏ.... Kết quả trong năm đã lập trên 30 biên bản xử lý các đối tượng vào khai trường trộm cắp than, tài sản; bắt giữ 15 xe máy vi phạm khai trường mỏ; đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố và Công an phường Hà Tu truy tố 01 đối tượng và đưa 01 đối tượng đi cai nghiện bắt buộc.

- Công ty đã thường xuyên phối hợp với UBND, Công an các phường trên địa bàn kiểm tra an ninh trật tự an toàn tài nguyên ranh giới mỏ và chủ động tăng cường lực lượng tuần tra, kiểm soát toàn bộ ranh giới mỏ. Kết quả trong năm đã kiểm tra, ngăn chặn và xử lý 01 điểm bốc xúc san gạt đất đá trái phép tại tổ 4, khu 3 - Phường Hà Tu (giáp ranh với tổ 38 - khu 4B phường Hà Phòng) và hiện nay trong ranh giới Công ty quản lý, không có các điểm bốc xúc, san gạt đất đá, đào lò với mục đích khai thác than trái phép.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

- Tổng tài sản (01/01/2018): 2.708.304.820.790 đ

- Tổng tài sản (31/12/2018): 3.133.724.592.421 đ

- Tài sản tăng trong năm 2018: 425.419.771.631 đ. Trong đó mức tăng chủ yếu tập trung vào các khoản mục hàng tồn kho; Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

- Tài sản xấu ảnh hưởng đến SXKD: Không

2.2. Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả (01/01/2018): 2.227.249.040.110 đ

- Nợ phải trả (31/12/2018): 2.637.823.960.713 đ

- Nợ phải trả tăng trong năm 2018: 410.574.920.603 đ. Chủ yếu là do dư vay giải ngân thực hiện dự án hầm lò.

- Công ty thực hiện theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải trả, thường xuyên kiểm soát thời hạn thanh toán với khách hàng. Trong năm Công ty không để xảy ra tình trạng nợ phải trả quá hạn, tình hình tài chính của Công ty đủ đáp ứng được các khoản nợ trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Về công tác chỉ đạo: Công ty tiếp tục rà soát và thực hiện quyết định số 2095/QĐ-TKV ngày 25/9/2014 của TKV về việc bố trí, sắp xếp lại các phòng ban tham mưu thuộc các Công ty sản xuất than; Chỉ thị Liên tịch số 51 CTLT/TGD-CĐTKV ngày 22/3/2016 của Tổng giám đốc và Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam về việc tăng cường quản lý công tác tuyển dụng, sử dụng và tái cơ cấu lực lượng lao động của TKV...;

- Về kết quả thực hiện: Công ty đã sắp xếp lại các phòng ban tham mưu đảm bảo số đơn vị phòng ban trong Công ty phù hợp với mô hình mẫu; thực hiện sửa đổi ban hành lại một số quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với điều kiện SXKD của Công ty và các quy định của pháp luật...

4. Kế hoạch SXKD năm 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Bóc đất đá lộ thiên	1.000 M ³	4.725	
2	Đào lò tổng số	m	13.000	
-	Đào lò CBSX	"	4.400	
-	Đào lò XDCB	"	8.600	
3	Than nguyên khai sản xuất	1.000 Tấn	1.300	
-	Lộ thiên	"	450	
-	Hầm lò	"	850	
4	Than sạch sàng tại mỏ	1.000 Tấn	1.723	
-	Than sạch từ than NK	"	1.123	
-	Than sạch từ SPNT	"	600	
5	Than tiêu thụ	1.000 Tấn	1.723	
6	Giá trị Đầu tư Xây dựng	Tỷ đồng	1.296	
7	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	2.276	
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	25	
9	Lao động định mức	Người	3.250	
10	Tiền lương bình quân theo lao động định mức	1.000đ/ng/ tháng	12.601	
11	Cổ tức	%	≥ 5,0	

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty: Được trình bày ở mục 1 phần II)

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Với vai trò được HĐQT giao trực tiếp điều hành hoạt động, Ban Giám đốc Công ty luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm thực hiện và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trên tất cả các lĩnh vực được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Triển khai nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Công ty;

- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền;

- Trực tiếp thay mặt Công ty ký các hợp đồng lao động, tín dụng, kinh tế và thương mại đảm bảo đúng chế độ quy định, đúng pháp luật;

- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy trình;

- Công tác tuyển dụng lao động được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, nâng lương, nâng bậc..., được thực hiện đúng Quy chế, quy định Công ty và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn;

- Thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo;

- Tổ chức thực hiện tốt công tác ĐT-XDCB theo phân cấp, các thủ tục đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện đầu tư và thanh quyết toán công trình được thực hiện đúng chế độ, đúng quy định;

- Chủ động điều hành hoạt động SXKD hằng ngày bằng cơ chế chính sách và giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị phòng ban, phân xưởng;

- Tổ chức ký hợp đồng cam kết trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với thủ trưởng các đơn vị trong Công ty;

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật mà Tập đoàn, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT Công ty

a) Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo để đưa công trình dự án vào khai thác sử dụng theo đúng kế hoạch, chuyển Công ty từ khai thác than lộ thiên sang sản xuất than hầm lò.

b) Tiếp tục triển khai đề án TCC Công ty giai đoạn 2017 -2020, sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất lộ thiên theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thực hiện phương án giảm biên chế lao động quản lý, phục vụ phù trợ theo chủ trương, hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

c) Triển khai thực hiện cơ chế đặc thù của Công ty trong giai đoạn chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam phê duyệt, trong đó có việc chuẩn bị kỹ về nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài bền vững của Công ty.



d) Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường tính minh bạch thông tin, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, quản trị chi phí...

e) Giữ giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn bảo hộ lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục được triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một cách vững chắc.

f) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn chuyển đổi, thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược vừa khai thác hết phần than lộ thiên, vừa xây dựng công trình dự án hầm lò để người lao động, cổ đông của Công ty nói riêng và các cấp chính quyền, Tập đoàn nói chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ.

g) Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác cải tạo và phục hồi hoàn thổ môi trường. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với truyền thống kỷ luật đồng tâm, vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, bình đẳng giới, bảo tồn văn hóa bản địa, giữ vững an ninh quốc phòng, an ninh trật tự xã hội trên địa bàn TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

h) Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

1.1. Về cơ cấu nhân sự... HĐQT

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 5 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. Trong năm 2018, nhân sự HĐQT Công ty không có sự thay đổi.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP năm giữ	Tỷ lệ %
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên HĐQT	0	0%
3	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên HĐQT	6.061	0,02%
4	Trần Quốc Tuấn	Ủy viên HĐQT	0	0%
5	Trương Thúy Mai	Ủy viên HĐQT	2.118	0,01%

Điéc

1.2. Các cuộc HĐQT:

Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng Cổ đông giao quản lý toàn diện mọi hoạt động SXKD của Công ty. Năm 2018, HĐQT Công ty đã tổ chức 25 phiên họp, giải quyết tổng thể 62 đầu việc, chủ yếu trong 06 lĩnh vực quản lý, điều hành SXKD sau:

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó phân ra:			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Giám sát, quản lý điều hành SXKD...	12	5	4	1	2
2	Đầu tư – Xây dựng, Dự án hầm lò	14	4	3	5	2
3	Tổ chức sản xuất, quản lý cán bộ	18	4	3	8	3
4	Lao động tiền lương, chế độ chính sách...	7	4	2		1
5	Ban hành các quy chế quản lý nội bộ, tài chính	5	2	1	1	1
6	Đại hội cổ đông, thực hiện quyền cổ đông, khác...	6	2	3	1	
	Cộng	62	21	16	16	9

(Chi tiết nội dung các cuộc họp của HĐQT được đề cập tại Báo cáo Quản trị Công ty năm 2018, được đăng trên hệ thống quản lý thông tin TTCK Việt Nam và Website của Công ty).

1.3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và các tiểu ban của HĐQT: Không

2. Ban kiểm soát

2.1. Cơ cấu Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 và không có sự thay đổi nhân sự trong năm.

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP sở hữu	Tỷ lệ %
1	Chu Duy Hải	Người đại diện phần vốn TKV giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát	0	0
2	Nguyễn Tiến Nhung	Người đại diện TKV giữ chức vụ UV BKS	6.061	0,02%

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP sở hữu	Tỷ lệ %
3	Đỗ Thị Thanh Huyền	Ủy viên BKS	2.118	0.01%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm:

Năm 2018, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên mỗi quý 1 lần, giải quyết các vấn đề liên quan đến thẩm quyền của Ban kiểm soát. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các lợi ích

Tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGD năm 2018: Dự kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua như sau:

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	285,6	-	285,6	
2	Ban Kiểm soát	3	514,8	414	100,8	
3	Ban Giám đốc	6,3	2.608,5	2.608,5	-	
	Tổng số	14,3	3.408,9	3.022,5	386,4	

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có


3.4. *Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:*

Trong năm 2018, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và của các cổ đông.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

1. **Ý kiến của kiểm toán** (Trích ý kiến kiểm toán viên theo Công văn số 120319.006/BCTC.QN ngày 12/03/2019 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC):

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


20

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định và đã đăng tải báo cáo tài chính trên Website: www.nuibeo.com.vn.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước (b/c);
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (b/c);
- ĐK – CNTT (đăng Website Công ty);
- HĐQT, BKS (ecopy);
- GD, PGD, KTT (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- Lưu: Văn thư, BKS, HĐQT (3).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Công Hương